

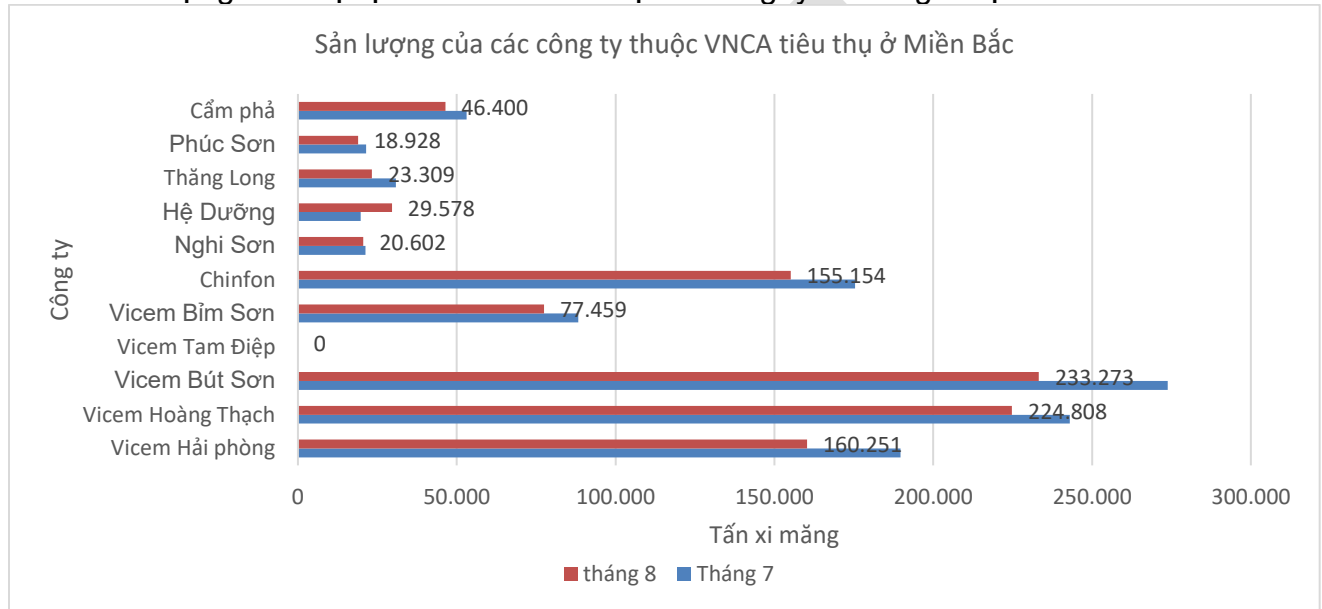
# TÌNH HÌNH THI TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 8/2020

## A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

### I.Thị trường xi măng miền Bắc:

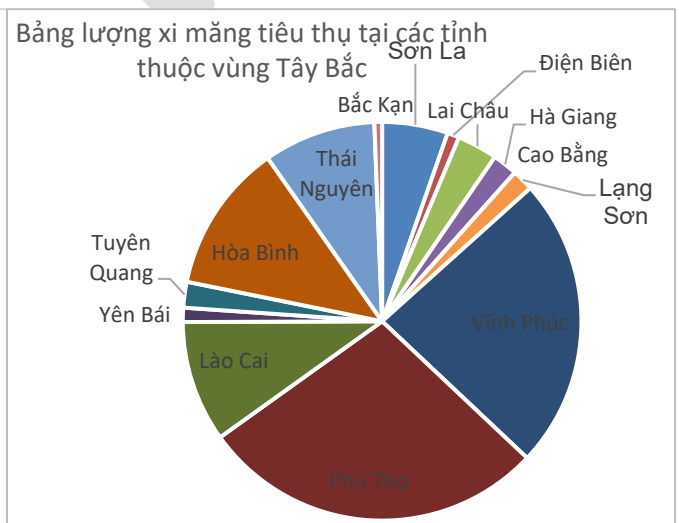
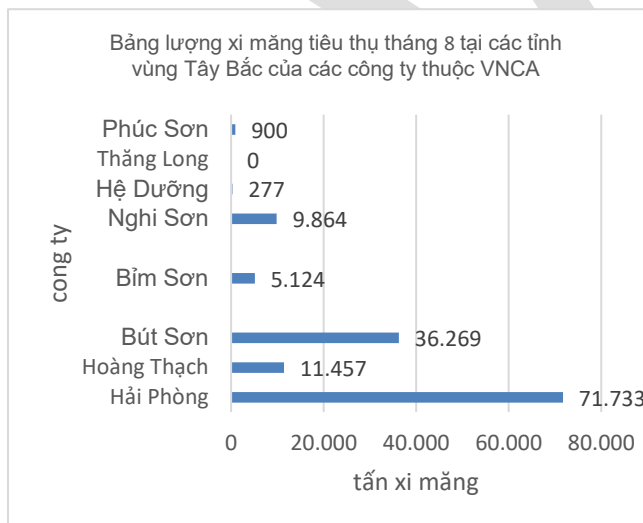
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 8/2020 là: 2.090.282 tấn (tháng 7 là 2.179.771 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

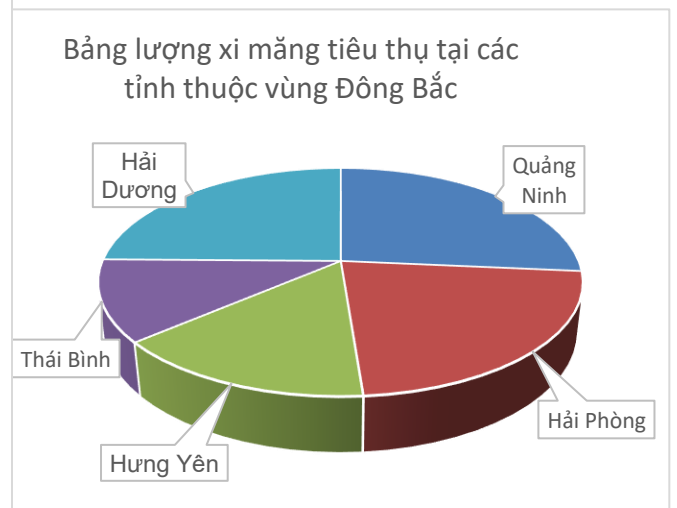
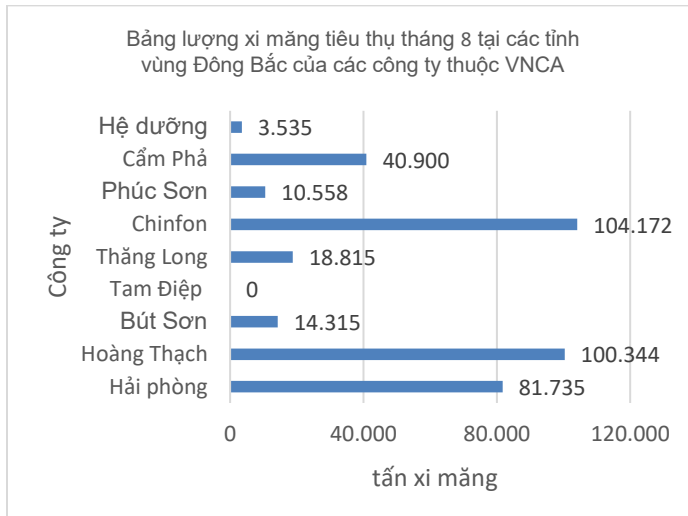


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 8/2020 như sau:

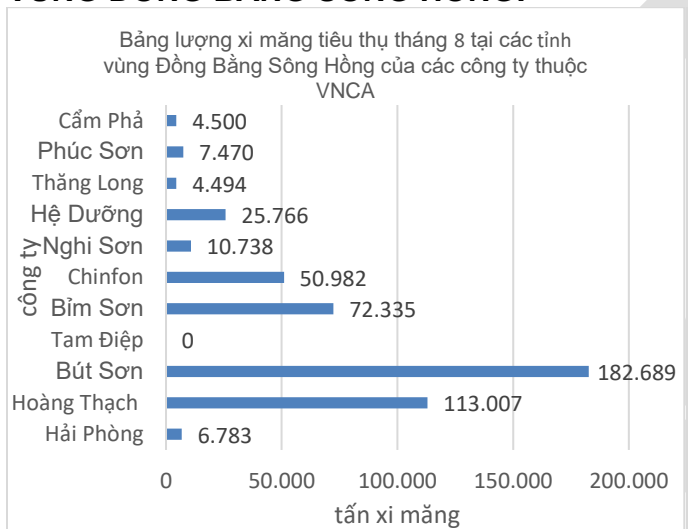
### VÙNG TÂY BẮC:



### VÙNG ĐÔNG BẮC:



**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:**



**Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:**  
*Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)*

**1. Tại Sơn La:**

- XM Yên Bái: 1.180 (giá tại nhà máy)
- XM Tam Điệp: 1.460

**2. Tại Hòa Bình:** - XM ChinFon: 1.500 - XM Bút Sơn: 1.410

**3. Tại Lạng Sơn:** - XM Phúc Sơn: 1.300 - XM Chinfon: 1.400

- XM Hoàng Thạch: 1.440
- XM Lạng Sơn: 940

**4. Tại Thái Nguyên:** - XM La Hiên: 1.240 - XM Quang Sơn: 1.270

- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1090 PCB 40: 1.200

**5. Tại Quảng Ninh:** - XM Hoàng Thạch: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.290

- XM Chin Fon: 1.400 - XM Lam Thạch: 1.200

- XM Thăng Long PCB 40: 1.350 - XM Hạ Long PCB 40: 1.360

- XM Cầm phả PCB 40: 1.300

**6. Tại Bắc Ninh:** - Xi măng Hoàng Thạch: 1.430 - XM Cầm Phả PCB 40: 1.380

XM Phúc Sơn: 1.350 XM Nghi Sơn PCB40: 1.450 – XM Chinfon: 1.450

**7. Tai Bắc Giang:** - XM Hoàng Thạch: 1.430

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380 - XM Phúc Sơn: 1.330

- XM Thăng Long PCB 40 1.380 - XM Hoàng Mai: 1.450

**8. Tai Hải Dương:** - XM Chinfon: 1.420 - Hoàng Thạch: 1.420

- XM Cẩm phả PCB 40	1.400	- XM Phúc Sơn:	1.350
---------------------	-------	----------------	-------

**9. Tai Hưng Yên:** - XM Hoàng Thạch: 1.400

- XM Chin Fon:	1.400	- XM Bút Sơn:	1.380
- XM Phúc Sơn:	1.260		

**10. Tai Thanh Hoá:** - XMVLXD Bỉm Sơn: 1.070

- XM Bỉm Sơn: 1.330 - XM Nghi Sơn PCB 40 1.420

- XM Hoàng Mai 1.280 - XM Tam Điệp: 1.250

**11. Tai Ninh Bình:** - XM Tam Điệp: 1.250 - XM Hệ Dưỡng: 970 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.220

**12. Tai Nam Định:** - XM Hoàng Thạch: 1.400 XM Cẩm phả: 1.380

- XM Bỉm Sơn: 1.420 XM Phúc Sơn: 1.340

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.440

**13. Tai Thái Bình:**

- XM Bỉm Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.430 - XM Thăng Long: 1.390

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.320 - XM Cẩm phả: 1.390

**14. Tai Hà Nội.**

- XM Chin Fon: 1.540 - XM Hoàng Thạch: 1.590

- XM Phúc Sơn: 1.450 - XM Bỉm Sơn: 1590

- XM Tam Điệp: 1550 - XM Bút Sơn: 1560

- XM Thăng Long PCB 40: 1.490

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.600 - XM Cẩm Phả: 1.500

**15. Tai Hải phòng:** - XM ChinFon: 1.470 XM Cẩm phả: 1.400

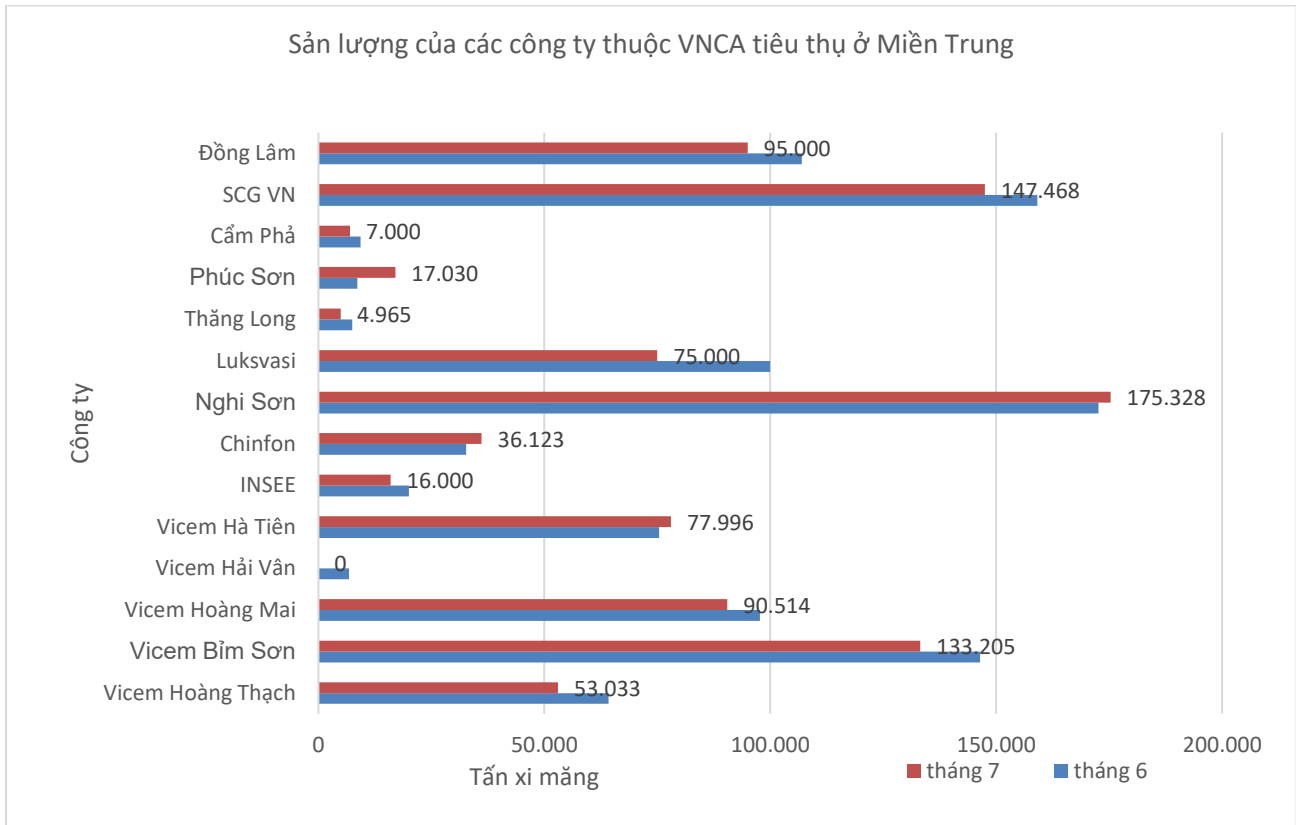
- XM Hải phòng: 1.440 - XM Phúc Sơn: 1.390

**II. Thị trường xi măng miền Trung:**

Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 8/2020: 1.281.251 tấn (tháng 7 là 1.334.902 tấn).

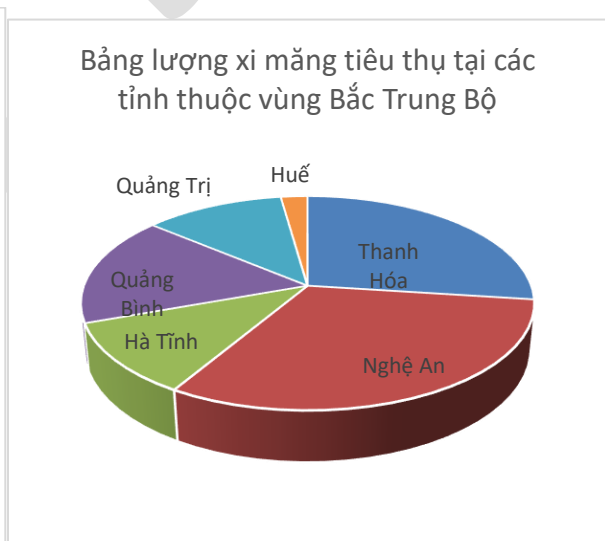
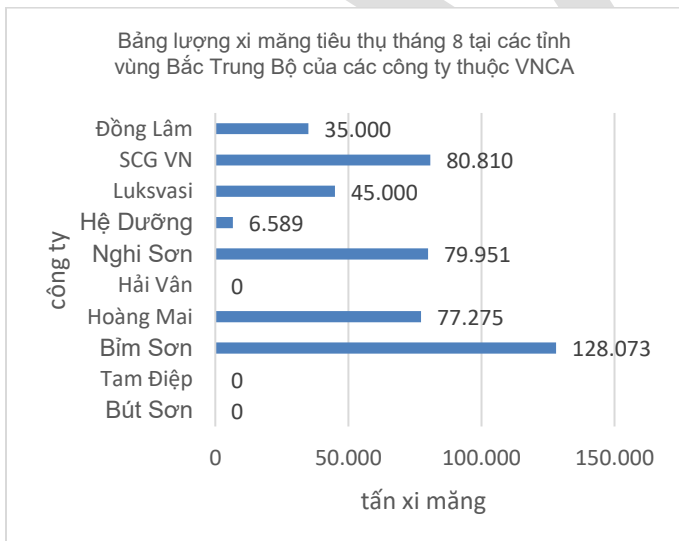
Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

Sản lượng của các công ty thuộc VNCA tiêu thụ ở Miền Trung

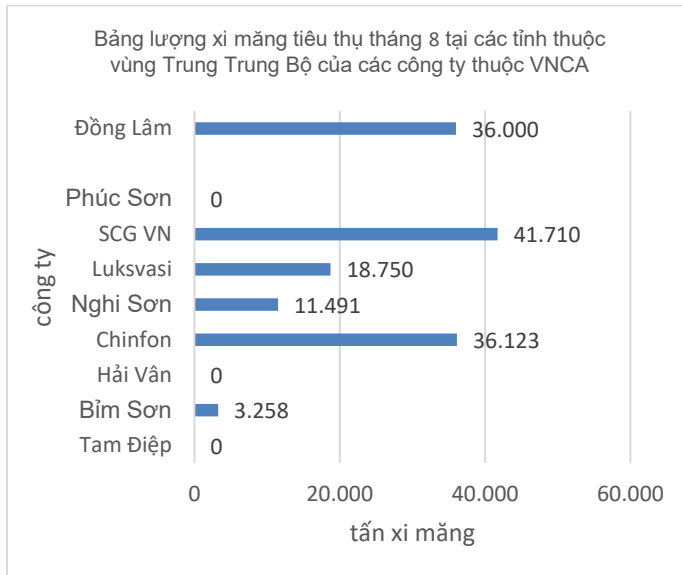


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 8/2020 như sau:

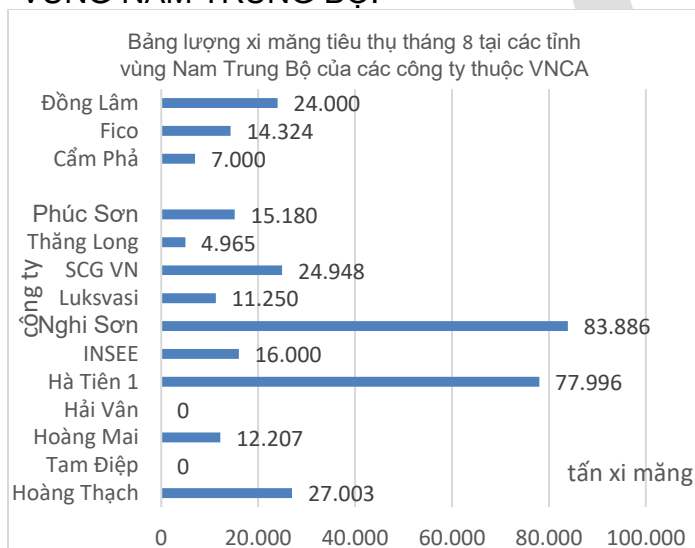
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG TRUNG TRUNG BỘ



**VÙNG NAM TRUNG BỘ:**



**Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau:** (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

**\* Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.035

- XM Bỉm Sơn: 1.350

- XM Hoàng Mai PCB 40 : 1.360

**\* Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100

- XM Quảng Trị: 980

- XM Sông Gianh: 1.360

-Phúc sơn: 1.340

- XM Luks VN PCB 40: 1.300

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

**\* Giá XM tại Đà Nẵng:**

- XM Sông Gianh: 1.500 - XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.400

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.540

- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.580

XM Hoàng Mai PCB 40: 1.530

- XM Phúc Sơn: 1.480

- XM luks VN PCB 40: 1.520

-ChinFon: 1.520

**\* Giá XM tại Gia lai, Đắc lắk, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.830

- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.830

- XM Phúc Sơn PCB 40: 1.730

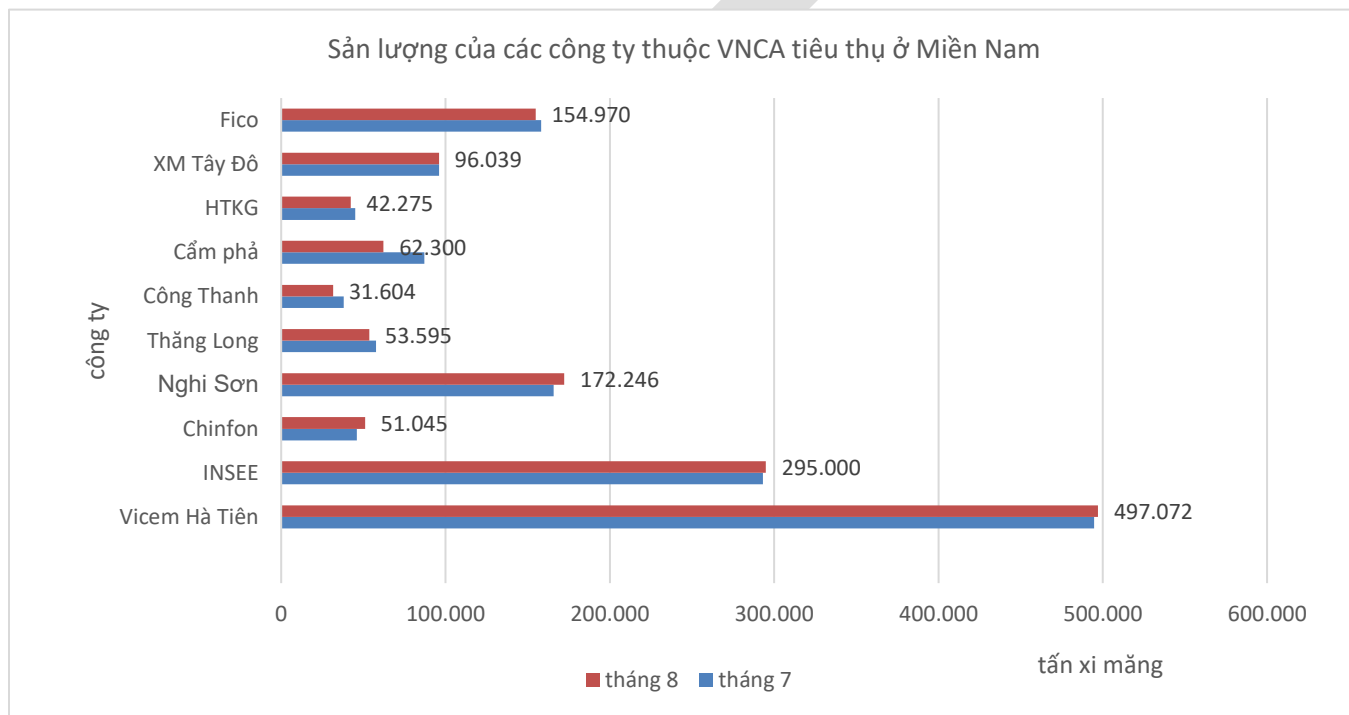
- XM Thăng Long 1.730

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.830

**III. Thị trường xi măng Miền Nam:**

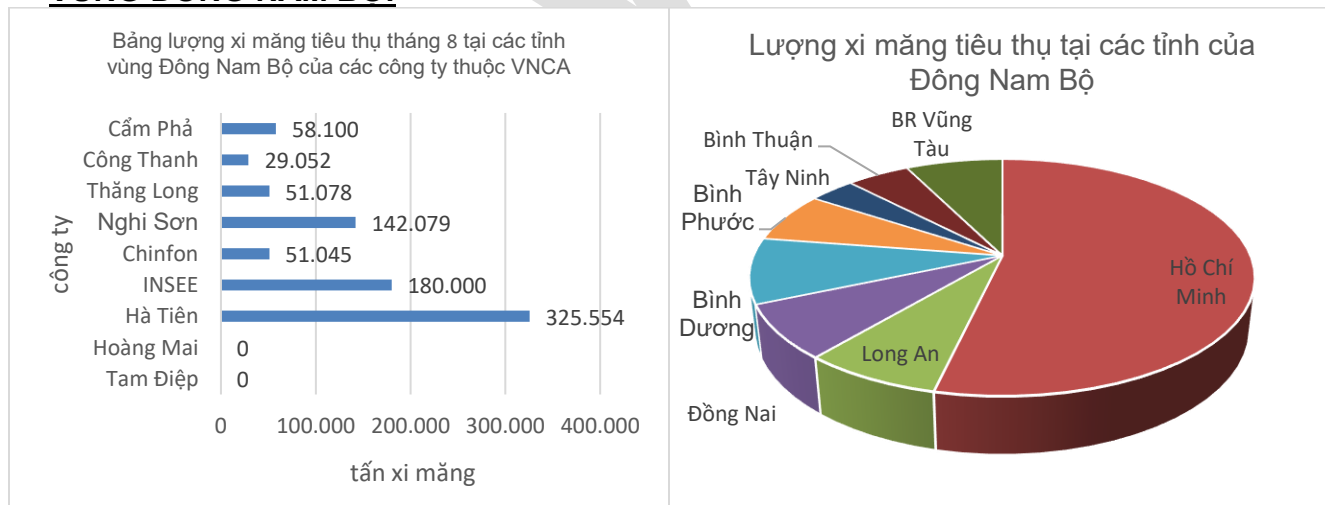
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là:1.834.530 tấn (tháng 7 là 1.820.332 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

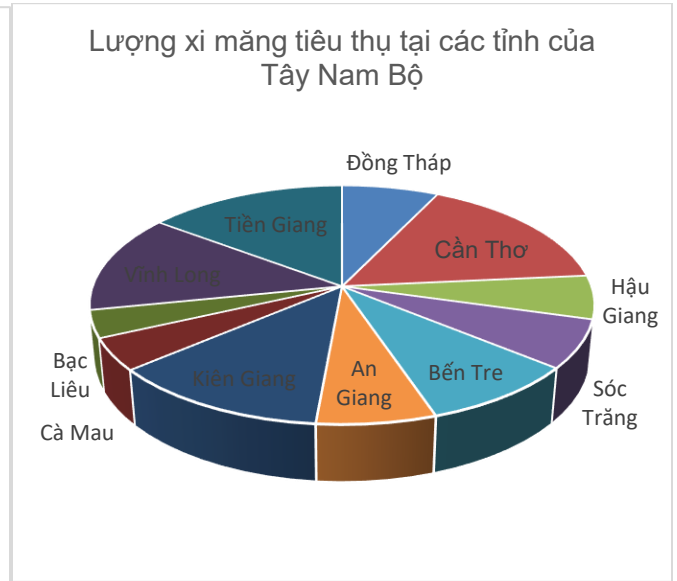
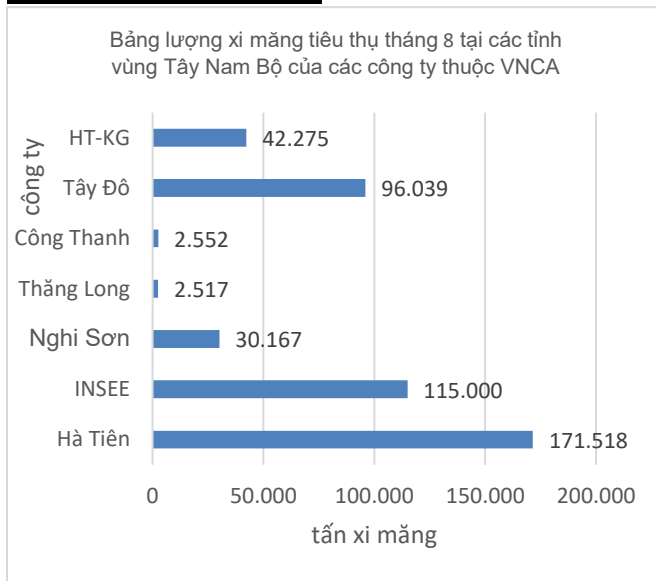


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 8/2020 như sau:

**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:**



## VÙNG TÂY NAM BỘ:



**Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau:** (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

**\* Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 : 1.750
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.730
- XM ChinFon :1.560
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.680
- XM Phúc Sơn: 1.580
- XM FICO: 1.600
- XM INSEE (Siam City Cement) đa dụng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Công Thanh: 1.600

**\* Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.780
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394 ; PCB 50 xá : 1.353
- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.700
- INSEE: 1.800

**\* Giá xi măng tại Kiên Giang:**

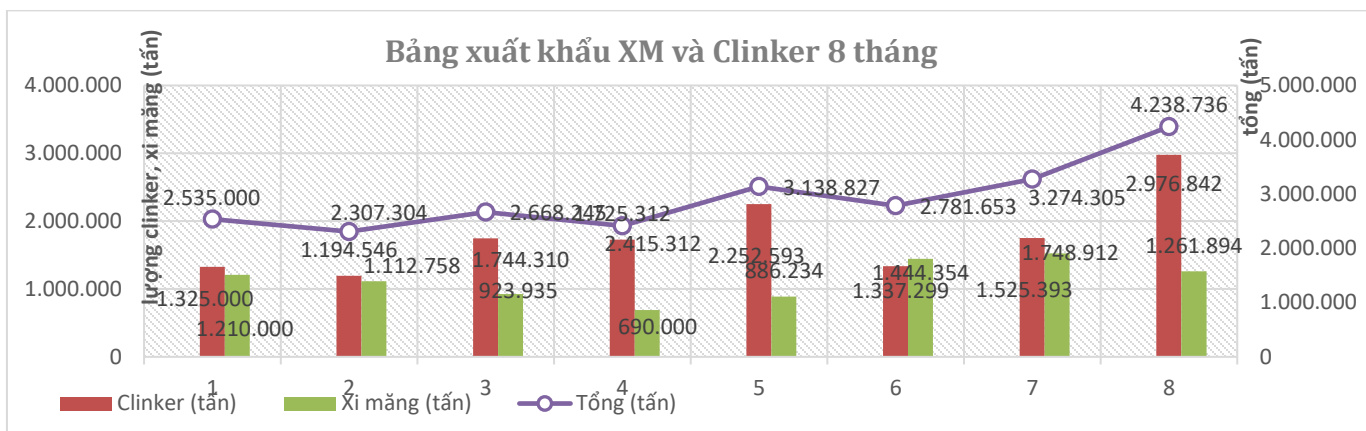
- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.760
- XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) tại kho: 1.290
- PCB 40: 1.390

**Nhận xét chung thị trường nội địa:**

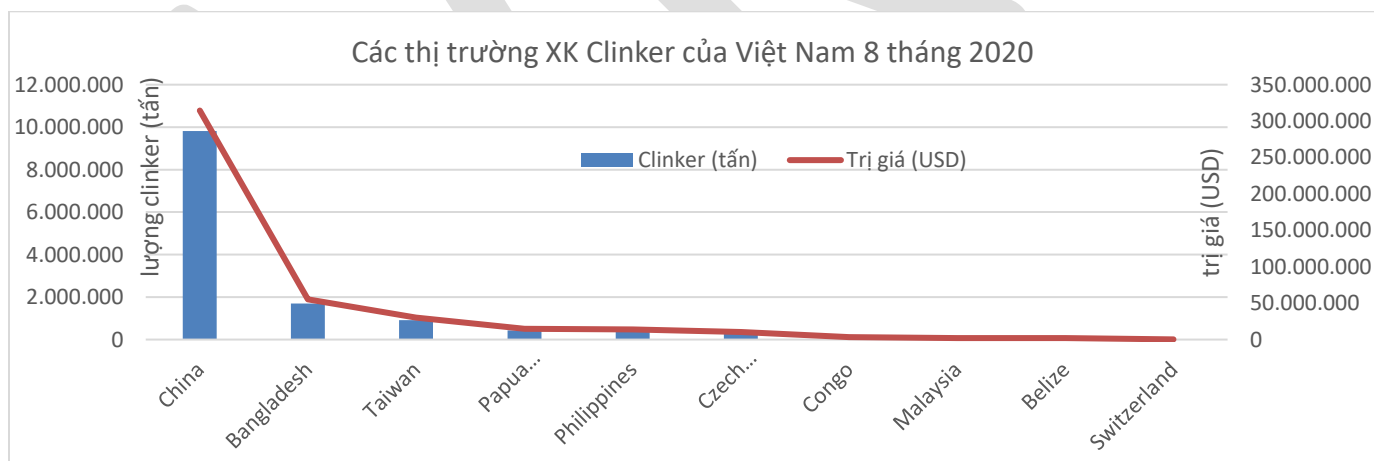
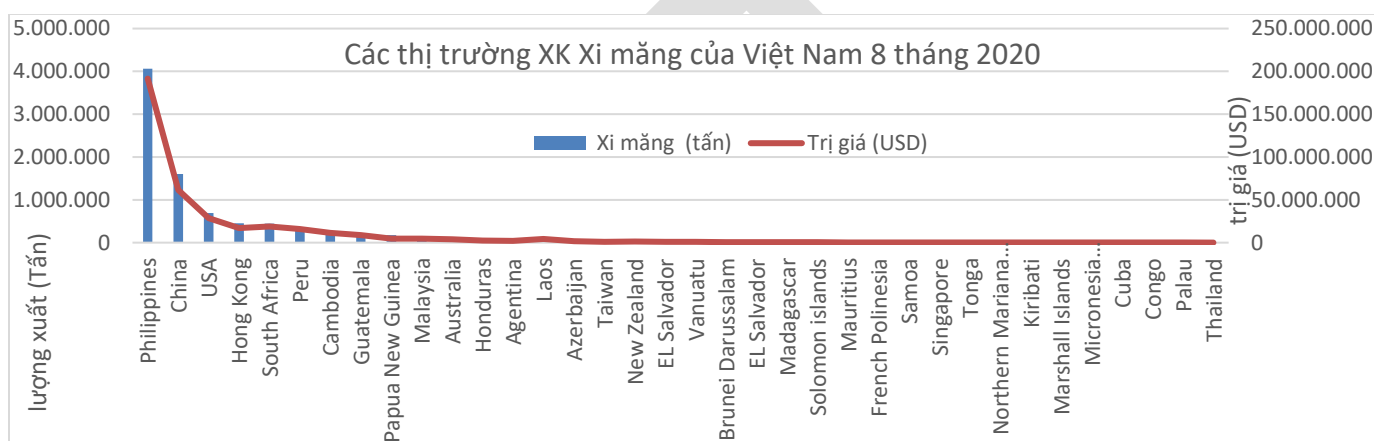
- Về tiêu thụ xi măng: tương đương tháng 7
- Về giá xi măng: Giá xi măng vẫn giữ như mức giá của tháng 7.
- Tồn kho cuối tháng 8: Xi măng: 0.8 triệu tấn; clinker: 4,2 triệu tấn.

## **B- XUẤT KHẨU (XK)**

1. Lượng XK xi măng và clinker tháng 8 như sau:



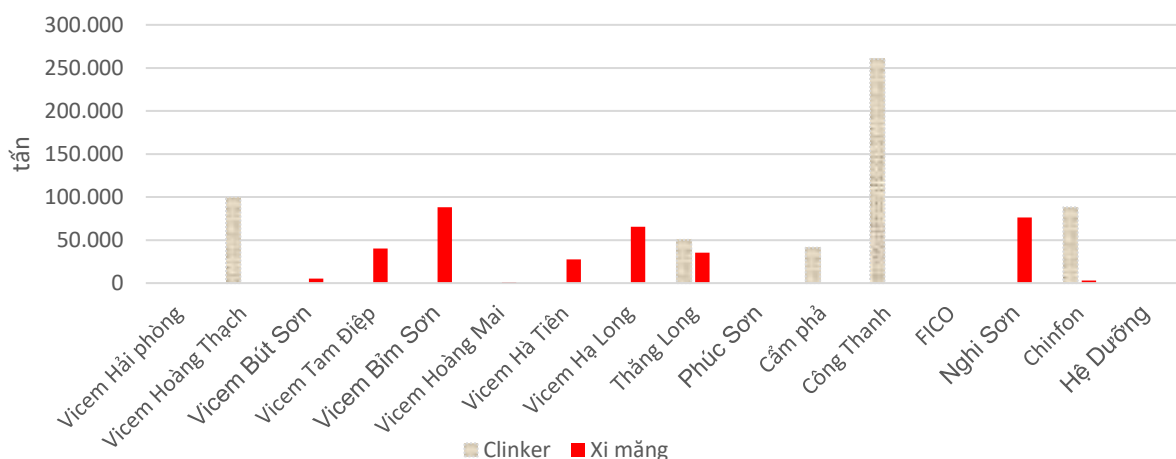
## 2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 8 tháng 2020:



## 3. Một số nhà XK trực tiếp (các nhà sản xuất) thuộc VNCA như sau:

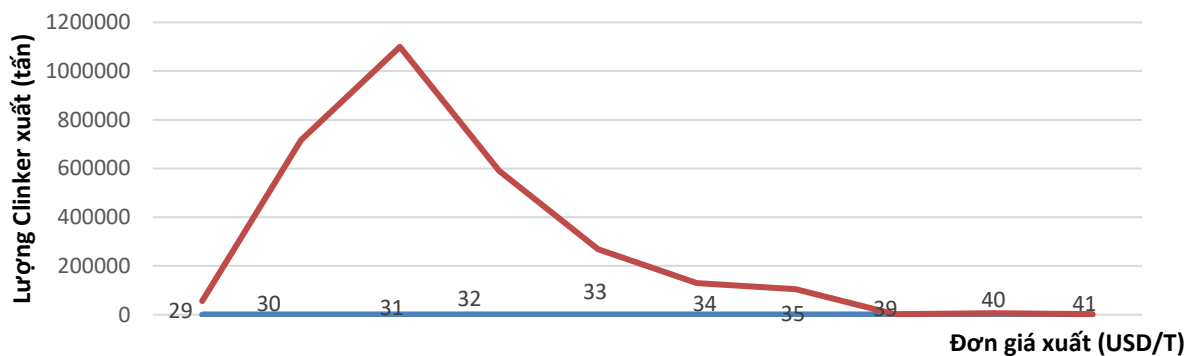


Biểu đồ lượng xuất khẩu tháng 8 của các công ty thuộc VNCA

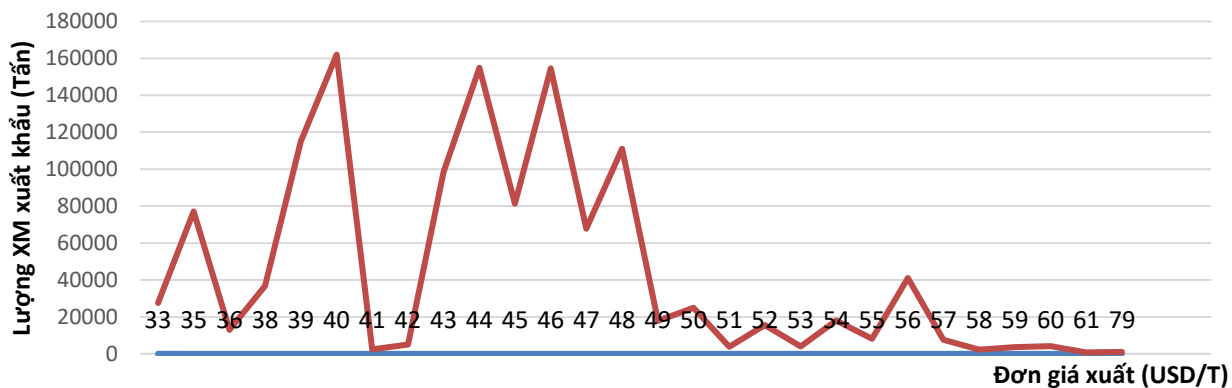


4. Bảng lượng và đơn giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 8 như sau:

Bảng lượng và đơn giá xuất khẩu clinker tháng 8/2020



Bảng lượng và đơn giá xuất xi măng thông dụng tháng 8/2020



**C- SX THÁNG 8/2020, KẾ HOẠCH THÁNG 9 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2020:**

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 8/2020	Lũy kế SX xi măng 2020	Kế hoạch TTND T9/2020	Lũy kế TTND năm 2020
<b>A</b>	<b>Khối VICEM</b>	<b>1,871,420</b>	<b>15,595,166</b>	<b>1,735,000</b>	<b>13,509,722</b>
1	Vicem Hải Phòng	101,130	929,795	180,000	<b>1,433,762</b>
2	Vicem Bỉm Sơn	225,342	2,168,960	210,000	<b>1,967,718</b>
3	Vicem Hoàng Thạch	255,723	2,115,702	330,000	<b>2,488,238</b>
4	Vicem Bút Sơn	234,823	2,090,171	260,000	<b>2,029,106</b>
5	Vicem Hà Tiên	564,406	4,059,470	540,000	<b>4,164,493</b>
6	Vicem Hải Vân	35,252	382,373	7,000	<b>36,593</b>
7	Vicem Hoàng Mai	122,468	1,067,454	105,000	<b>767,269</b>
8	Vicem Tam Điệp	101,906	871,217		<b>34</b>
9	Vicem Hạ Long	144,123	1,196,747	103,000	<b>606,647</b>
10	Vicem Sông Thao	86,246	713,279		<b>15,862</b>
<b>B</b>	<b>Khối LD</b>	<b>1,534,599</b>	<b>12,773,150</b>	<b>1,398,720</b>	<b>10,867,617</b>
1	XM Nghi Sơn	355,858	3,133,551	357,900	<b>2,866,803</b>
2	XM Chinfon	263,741	2,196,707	267,700	<b>2,048,572</b>
3	Siam City Cement	350,000	2,920,000	320,000	<b>2,454,000</b>
4	XM Luks(Vietnam)	120,000	910,000	80,000	<b>681,000</b>
5	XM Thăng Long	125,000	1,020,000	90,000	<b>715,569</b>
6	XM Hệ Dưỡng	45,000	302,892	29,120	<b>228,520</b>
7	SCG VN	210,000	1,760,000	200,000	<b>1,572,151</b>
8	XM Phúc Sơn	65,000	530,000	54,000	<b>301,002</b>
<b>C</b>	<b>Khối các Cty xm khác</b>	<b>3,100,000</b>	24,170,000	<b>2,100,000</b>	<b>16,310,000</b>
	<b>Toàn XH: (A+B+C)</b>	<b>6,506,019</b>	<b>52,538,316</b>	<b>5,233,720</b>	<b>40,687,339</b>

**Đánh giá:**

- TTND tháng 8: 5.206.063 tấn tương đương so với cùng kỳ năm 2019, giảm 2% so với tháng 7/2020. Tổng TTND 8 tháng năm 2020 đạt 40.687.339 tấn giảm 4% so với cùng kỳ 2019.
- Xuất khẩu tháng 8: 4.238.736 tấn (trong đó xi măng 1.261.894 tấn và clinker là 2.976.842 tấn) bằng 154% so với cùng kỳ 2019, bằng 129% so với tháng 7/2020. Tổng xuất khẩu xi măng và clinker 8 tháng năm 2020 đạt 23.359.382 tấn tăng 14% so với cùng kỳ 2019.
- TTND và xuất khẩu tháng 8: 9.444.799 tấn bằng 119% so với cùng kỳ năm 2019, bằng 110% so với tháng 7/2020. Tổng TTND và XK 8 tháng năm 2020 đạt 64.046.721 tấn tăng 1% so với cùng kỳ.